TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN KẾ SÁCH** **TỈNH SÓC TRĂNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 112/2021/DS - ST
Ngày: 15-7-2021
V/v tranh chấp Hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KẾ SÁCH, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Hải Duy

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Sơn

2. Bà Tăng Thị Bạch Vân

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Dương – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên toà: Bà Đặng Xuân Mai - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 7 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 110/2021/TLST-DS ngày 05 tháng 4 năm 2021 về tranh chấp: "Tranh chấp Hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 120/2021/QĐXX-ST ngày 25 tháng 5 năm 2021 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng C.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Dương Quyết T.

Chức vụ: Tổng giám đốc.

Địa chỉ trụ sở chính: số xx, phố L, phường H, quân H, thành phố H.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Đỗ Long T - Chức vụ: Giám đốc Phòng giao dịch Ngân hàng C huyện K– Chi nhánh Ngân hàng C tỉnh S.

Người đại diện theo ủy quyền tham gia tố tụng tại Tòa án:

Ông Nguyễn Chí C – Chức vụ Phó giám đốc Phòng giao dịch Ngân hàng C huyện K– Chi nhánh Ngân hàng C tỉnh S.

Địa chỉ trụ sở phòng giao dịch: ấp A, thị trấn K, huyện K, tỉnh S.

2. Bị đơn: Ông Nguyễn Văn N, sinh năm: 1965.

Địa chỉ: ấp M, xã T, huyện K, tỉnh S.

3 Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1968.

Anh Nguyễn Thành C, sinh năm 1994.

Cùng địa chỉ: ấp M, xã T, huyện K, tỉnh S.

(Đại diện Ngân hàng có mặt; Các đương sự còn lại đều vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 29/3/2021, các lời khai có trong hồ sơ vụ án, nguyên đơn là Ngân hàng C– người đại diện theo ủy quyền là ông Đỗ Long Thảo trình bày:

Vào ngày 29/10/2018 Ngân hàng C và ông Nguyễn Văn N có ký kết giấy đề nghị vay vốn kiêm phương án sử dụng vốn vay, theo đó ông Năm sẽ được Ngân hàng C cho vay số tiền 15.000.000 đồng.

Mục đích vay: Cải tạo vườn.

Thời hạn vay: 60 tháng.

Lãi suất tại thời điểm giải ngân là 09%/ năm, tiền vốn và lãi phát sinh trả 12 tháng/01 kỳ, hạn trả cuối là ngày 14/10/2023.

Sau khi vay tiền, hộ ông Nguyễn Văn N không thực hiện đúng nghĩa vụ trả tiền vốn và lãi phát sinh theo thỏa thuận và cũng không thanh toán nợ gốc khi đến hạn, gây thiệt hại đến quyền lợi của ngân hàng.

Vì vậy, Ngân hàng C yêu cầu ông Nguyễn Văn N, bà Nguyễn Thị T và anh Nguyễn Thành C phải cùng chịu trách nhiệm thanh toán số tiền vốn vay còn nợ là 15.000.000 đồng và lãi phát sinh tính đến ngày 15/7/2021.

Bị đơn là ông Nguyễn Văn N vắng mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Nguyễn Thị T và anh Nguyễn Thành C cùng vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng phát biểu:

Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử đã tuân thủ theo đúng quy định Bộ luật tố tụng Dân sự. Tư cách của người tham gia tố tụng tuân thủ theo đúng quy định của Điều 68, 70, 71, 72, 234 Bộ luật tố tụng Dân sự.

Về nội dung: Theo các tài liệu thể hiện trong hồ sơ và tại phiên tòa sơ thẩm Đại diện Viện kiểm sát nhận thấy yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng C là có căn cứ, vì vậy đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng, buộc ông Nguyễn Văn N, bà Nguyễn Thị T và anh Nguyễn Thành C phải cùng chịu trách nhiệm thanh toán số tiền vốn vay còn nợ là 15.000.000 đồng và lãi phát sinh tính đến ngày 15/7/2021.

Về án phí và chi phí tố tụng: đề nghị Hội đồng xét xử quyết định theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tại phiên Tòa, bị đơn và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai những vắng mặt không rõ lý do và cũng không có đơn đề nghị xét xử vắng mặt đồng thời cũng không có yêu cầu phản tố. Xét thấy, Tòa án nhân dân huyện Kế Sách đã tiến hành các thủ tục cấp, tống đạt, thông báo văn bản tố tụng cho bị đơn và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015. Cho nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là có căn cứ và đúng với quy định tại khoản 2, Điều 227 và khoản 3, Điều 228 của Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015.

[2] Về chứng cứ trong vụ án: Trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn có cung cấp chứng cứ là Giấy đề nghị vay vốn kiêm phương án sử dụng vốn vay và Giấy ủy quyền cùng ngày 18/10/2018 thể hiện việc nguyên đơn có cho hộ gia đình bị đơn vay số tiền 15.000.000đ với mục đích cải tạo vườn trồng xoài. Xét thấy, mặc dù bị đơn và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đều vắng mặt và không có ý kiến gì, tuy nhiên, cần phải xác định rằng, chính sách hỗ trợ phát triển kinh tế hộ gia đình là một trong những chính sách lớn, nhất quán của Đảng và Nhà nước ta nhằm phát triển kinh tế của hộ gia đình nói riêng và phát triển bền vững cho xã hội nói chung. Đây là những chính sách, định hướng của Đảng và Nhà nước được mọi người trong xã hội biết đến và thừa nhận. Như vậy, đã đủ cơ sở để xác định, giữa nguyên đơn và bị đơn cùng những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã thực hiện giao dịch về tài sản thông qua các đề nghị hỗ trợ vay vốn có kỳ hạn và có lãi theo quy định của pháp luật là có thật.

Mặt khác, tại khoản 1 Điều 91 của Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015 có quy định "Đương sự có yêu cầu Tòa án bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình phải thu thập, cung cấp, giao nộp cho Tòa án tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho yêu cầu đó là có căn cứ và hợp pháp..."; tại khoản 2 Điều 91 của Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015 có quy định: ".... Đương sự phản đối yêu cầu của người khác đối với

mình phải thể hiện bằng văn bản và phải thu thập, cung cấp, giao nộp cho Tòa án tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho sự phản đối đó ...” và tại khoản 4 Điều 91 của Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015 có quy định “ Đương sự có nghĩa vụ đưa ra những chứng cứ để chứng minh mà không đưa ra được chứng cứ hoặc không đưa ra đủ chứng cứ thì Tòa án giải quyết vụ việc dân sự theo những chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ án”. Xét thấy, sau khi thụ lý vụ án Tòa án đã tiến hành các thủ tục cấp, tống đạt, thông báo văn bản tố tụng cho bị đơn cùng những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan như: thông báo về việc thụ lý vụ án; thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; quyết định đưa vụ án ra xét xử; quyết định hoãn phiên tòa; các chứng cứ do nguyên đơn cung cấp và do Tòa án thu thập được. Trong đó, thông báo về việc thụ lý vụ án đã ghi rõ nội dung sự việc, yêu cầu của nguyên đơn và các tài liệu chứng minh cho yêu cầu của nguyên đơn, nhưng phía bị đơn cùng những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không đến Tòa án để giải quyết vụ án, không có ý kiến phản hồi về yêu cầu của nguyên đơn, không phản đối yêu cầu khởi kiện và các chứng cứ do nguyên đơn cung cấp, đồng thời cũng không có yêu cầu phản tố. Như vậy bị đơn cùng những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã tự tước bỏ quyền chứng minh và quyền cung cấp chứng cứ của mình. Vì vậy, Hội đồng xét xử không có cơ sở để xem xét các ý kiến và các yêu cầu của bị đơn cùng những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan mà đã có đủ căn cứ để xác định chứng cứ mà nguyên đơn cung cấp là hoàn toàn hợp lệ, phù hợp với quy định tại Điều 93, Điều 94 và Điều 95 của Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015.

[3] Về yêu cầu của nguyên đơn: Tại phiên Tòa, nguyên đơn yêu cầu bị đơn cùng những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan cùng chịu trách nhiệm thanh toán toàn bộ số tiền vay còn nợ. Xét thấy, việc bị đơn vay tiền với mục đích sử dụng vì lợi ích chung của hộ gia đình, cho nên, bị đơn cùng những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan phải cùng có trách nhiệm và nghĩa vụ thanh toán nợ cho nguyên đơn là phù hợp. Do bị đơn cùng những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không thanh toán tiền vốn vay và lãi phát sinh cho nguyên đơn là đã vi phạm thỏa thuận giữa các bên, gây thiệt hại đến quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn. Cho nên, yêu cầu của nguyên đơn đòi bị đơn và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan cùng chịu trách nhiệm thanh toán số tiền vốn vay còn nợ là 15.000.000 đồng và 2.470.000 đồng tiền lãi phát sinh tính đến ngày 15/7/2021. Cộng chung là **17.470.000 đồng (mười bảy triệu bốn trăm bảy mươi ngàn đồng)** là chính đáng, có căn cứ và phù hợp với quy định tại Điều 103 và Điều 280 của Bộ luật Dân sự năm 2015 nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bị đơn và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan phải cùng chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[5] Về ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa: Xét đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1, khoản 2, khoản 4 Điều 91, Điều 93, Điều 94, Điều 95, Điều 147, khoản 2, Điều 227, khoản 3, Điều 228, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 103, Điều 280, Điều 463, Điều 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản 16 Điều 4, Điều 12, Điều 90, Điều 91, Điều 95 và Điều 98 của Luật các tổ chức tín dụng năm 2010, được sửa đổi bổ sung năm 2017 và Văn bản hợp nhất số 07/VBHN-VPQH ngày 12/12/2017 của Văn phòng Quốc hội.

Căn cứ Án lệ số 08/2016/AL được Hội đồng Thẩm phán Toà án nhân dân tối cao thông qua ngày 17/8/2016 và công bố theo Quyết định số 698/QĐ-CA ngày 17/10/2016 của Chánh án Toà án nhân dân tối cao.

Căn cứ Luật Thi hành án dân sự năm 2008, đã được sửa đổi bổ sung năm 2014;

Căn cứ Điều 7, Điều 8 và Điều 13 của Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm.

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của Ngân hàng C. Buộc ông Nguyễn Văn N, bà Nguyễn Thị T và anh Nguyễn Thành C cùng chịu trách nhiệm trả cho Ngân hàng C số tiền vốn vay còn nợ là 15.000.000 đồng và 2.470.000 đồng tiền lãi phát sinh tính đến ngày 15/7/2021. Cộng chung là **17.470.000 đồng (mười bảy triệu bốn trăm bảy mươi ngàn đồng)**

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm ông Nguyễn Văn N, bà Nguyễn Thị T và anh Nguyễn Thành C còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thoả thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng vay vốn, các bên có thoả thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng C thì lãi suất mà ông Nguyễn Văn N, bà Nguyễn Thị T và anh Nguyễn Thành C phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng C theo quyết định của Toà án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng C.

Mức lãi suất hai bên thỏa thuận là mức lãi suất nợ quá hạn các bên thỏa thuận trong hợp đồng. Trường hợp, các bên không có thỏa thuận về mức lãi suất nợ quá hạn thì mức lãi suất nợ quá hạn bằng 150% mức lãi suất trong hạn.

2. Về án phí:

Ngân hàng C không phải chịu tiền án phí DSST. Do Ngân hàng C không nộp tiền tạm ứng án phí thuộc trường hợp quy định tại điểm c, khoản 1, Điều 11 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội nên xem như xong, không có hoàn lại gì.

Ông Nguyễn Văn N, bà Nguyễn Thị T và anh Nguyễn Thành C phải cùng chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm là **873.500 đồng (tám trăm bảy mươi ba ngàn năm trăm đồng)**.

3. Án xử công khai, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn có mặt tại phiên Tòa và có mặt khi tuyên án.

Ông Nguyễn Văn N, bà Nguyễn Thị T và anh Nguyễn Thành C không có mặt tại phiên Tòa và cũng không có mặt khi tuyên án mà không có lý do chính đáng.

Thời hạn kháng cáo đối với bản án của Tòa án cấp sơ thẩm là 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; đối với đương sự, đại diện cơ quan, tổ chức hoặc cá nhân khởi kiện không có mặt tại phiên Tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo được tính từ ngày họ nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Đối với trường hợp đương sự, đại diện cơ quan, tổ chức hoặc cá nhân khởi kiện đã tham gia phiên Tòa nhưng vắng mặt khi Tòa án tuyên án mà không có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo được tính từ ngày tuyên án.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo các qui định tại các Điều 6,7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- VKSND huyện Kế Sách;
- Chi cục THADS huyện Kế Sách;
- Lưu HSVA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)

Phạm Hải Duy

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Hải Duy